

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-9-2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đức Hảo

Bà Nguyễn Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1994.

Trú tại: ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh Long An

**- Bị đơn:** Ông Phan Văn Th, sinh năm 1987.

Trú tại: ấp B, xã Đ, huyện V, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Về yêu cầu, lời trình bày và ý kiến của đương sự:**

Nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/4/2020, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 17/6/2020 (hòa giải không được) thể hiện như sau: Được sự mai mối và đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông Th có tổ chức lễ cưới và chính thức sống chung với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 27/02/2014. Sau khi cưới bà và ông Th về sinh sống tại ấp A, xã Đ cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có

được 01 con chung tên Phan Chí V, sinh ngày 02/02/2014. Từ khoảng cuối năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông Th không lo cho kinh tế gia đình, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng hơn là từ tháng 02 năm 2020, ông Th nghiện chơi game không lo cho gia đình. Nay bà L không còn tình cảm với ông Th, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình chung sống bà và ông Th có được 01 con chung tên Phan Chí V, sinh ngày 02/02/2014, bà giao con cho ông Th nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 31/7/2020, bà L thay đổi yêu cầu, bà xác định con chung đang ở chung với bà nên bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Th không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Ông Phan Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phan Văn Th vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã gửi chậm thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định.

Nội dung vụ án: Bà L và ông Th có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đã đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay nên không còn tình cảm; Quá trình giải quyết vụ án, ông Th được triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, ông Th không có Th chí và cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung Phan Chí V còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ, hơn nữa cháu V đang ở chung với gia đình bà L và từ trước đó trong thời gian vợ chồng bà L đi làm xa thì cháu V cũng được bà L gửi cho mẹ bà L chăm sóc, nay bà L có nguyện vọng được nuôi con chung, ông Th không có yêu cầu nuôi con chung; Bà L và ông Th không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L, bà L được ly hôn với ông Th, giao con chung cho bà L nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà L yêu cầu ly hôn với ông Th và yêu cầu nuôi con chung, ông Th có nơi cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà L và ông Th là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 27/02/2014 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp nên nay bà L yêu cầu ly hôn thì căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Bà L và ông Th không sống chung từ cuối năm 2019 và từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định cho ông Th nhưng ông Th cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không có văn bản thể hiện ý kiến và cũng không quan tâm đến việc bà L yêu cầu ly hôn, như vậy ông Th đã có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà L tự định đoạt. Tại phiên tòa bà L cũng xác định đã không còn tình cảm với ông Th, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Bà L xác định con chung tên Phan Chí V đang sống chung với bà L, lời khai này của bà L phù hợp với biên bản xác minh ngày 07/8/2020; Đồng thời, bà L có việc làm là công nhân thu nhập đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho cháu V phát triển về mọi mặt, ông Th không có ý kiến tranh chấp về việc nuôi con với bà L, hơn nữa từ trước đến nay phần lớn thời gian cháu V sống bên gia đình của bà L. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà L xác định không có và không tranh chấp; Ông Th cũng không có yêu cầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về

ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà L. Đối với ý kiến của Viện kiểm sát về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn thì Tòa án ghi nhận và sẽ có biện pháp khắc phục.

[6] Về án phí: Do bà L không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Kiều L.

**Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Phan Văn Th.

**Về con chung:** Giao con chung tên Phan Chí V (Giới tính: nam), sinh ngày 02/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Nguyễn Thị Kiều L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

**Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kiều L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 13/5/2020 theo biên lai thu tiền số 0002526 sang tiền án phí.

Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Liễu**